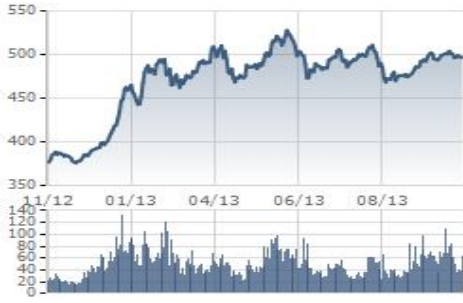


## HOSE 05/11/2013

VNINDEX	499.79	2.72	0.55%
KLGD	75,859,798	CP	
GTGD	865.33	Tỷ	
GTR NDTNN	26.77	Tỷ	
CP Tăng giá	157	CP	
CP Giảm giá	60	CP	
CP Đứng giá	87	CP	

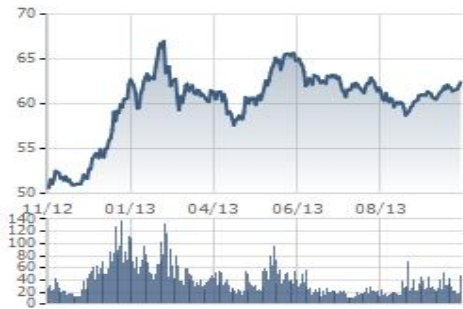


## Tâm điểm

- ▶ Hai sàn tăng điểm tốt. Áp lực điều chỉnh ở sàn HNX lớn dần lên trong phiên tới.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục được gia tăng, duy trì trên mức bình quân 20 phiên  
KLGD sàn HOSE tăng 19.4%, trong khi ở sàn HNX tăng 14% so với phiên trước
- ▶ Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giảm  
Thông tin từ thứ trưởng Bộ Công thương Hồ Thị Kim Thoa cho biết  
Gafin
- ▶ Hoạt động xuất khẩu tại thị trường châu Á vẫn trì trệ  
Số liệu của Reuters cho rằng hoạt động XK ở Châu Á hạ nhiệt so với đỉnh 2010  
Reuters
- ▶ Tháng 10, chỉ số PMI phi sản xuất của Trung Quốc tăng cao nhất cả năm  
Cho thấy dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới  
Bloomberg
- ▶ PVD - 9 tháng đạt 1.395 tỷ đồng LNST, vượt kế hoạch cả năm  
PVD vừa công bố kết quả kinh doanh 9T2013 với kết quả khả quan  
PVD
- ▶ KBC- phát hành 100 triệu cổ phiếu để hoán đổi công nợ và bổ sung vốn  
ĐHČĐ bằng hình thức văn bản của KBC đã thông qua phương án phát hành này  
KBC

## HNX 05/11/2013

HNXINDEX	62.91	0.48	0.78%
KLGD	53,457,215	CP	
GTGD	349.52	Tỷ	
GTR NDTNN	-	0.96	Tỷ
CP Tăng giá	173	CP	
CP Giảm giá	53	CP	
CP Đứng giá	153	CP	



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
--	--------------	-----	-----	-----	-----

### Theo thị trường

HOSE	829,767	12.0	2.9	23.0%	12.2%
HNX	99,074	29.4	1.5	6.7%	3.9%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>928,841</b>	<b>13.4</b>	<b>2.8</b>	<b>21.6%</b>	<b>11.4%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,875	5.2	1.1	19.4%	13.9%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,201	6.2	1.6	27.3%	21.0%
Thép và sản phẩm thép	26,072	11.8	1.5	15.0%	6.3%
Khai khoáng	11,927	38.0	5.0	5.8%	4.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,759	11.1	1.4	17.4%	12.3%
Xây dựng	19,892	18.9	0.8	0.7%	1.9%
Máy công nghiệp	7,407	7.4	1.3	24.5%	13.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,270	10.3	1.1	17.4%	12.6%
Lốp xe	6,000	7.5	2.3	30.0%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	11,715	10.2	1.1	11.8%	5.7%
Thực phẩm	195,210	21.3	5.4	26.9%	21.1%
Dược phẩm	12,995	10.1	2.8	28.2%	18.2%
Phần mềm	12,888	8.0	1.8	23.5%	10.5%
Sản xuất & phân phối điện	18,967	5.9	1.1	21.2%	10.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	126,023	9.7	3.7	40.8%	24.8%
Bảo hiểm nhân thọ	26,879	24.6	2.1	9.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	15,307	13.4	0.9	7.1%	4.7%
Ngân hàng	203,908	11.4	1.3	11.6%	1.0%
Bất động sản	122,768	20.1	2.9	21.7%	4.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	24,334	7.9	1.5	19.5%	7.0%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	557.72	2.75	0.50%
HNX30	118.09	1.00	0.85%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giảm

## Hoạt động xuất khẩu tại thị trường châu Á vẫn trì trệ

## Tháng 10, chỉ số PMI phi sản xuất của Trung Quốc tăng cao nhất cả năm

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## PVT - 9 Tháng lãi ròng đạt 176 tỷ đồng, gấp 4.5 lần so với kế hoạch năm

## KBC- phát hành 100 triệu cổ phiếu để hoán đổi công nợ và bổ sung vốn

## PVD - 9 tháng đạt 1.395 tỷ đồng LNST, vượt kế hoạch cả năm

### ► Tin kinh tế

Thứ trưởng Bộ Công Thương cho biết, đầu tháng 10-2013, chỉ số tồn kho tăng 9,8% so với cùng thời điểm năm trước, giảm mạnh so với mức tăng 21,5% tại thời điểm đầu tháng 1-2013. Những ngành chỉ số tồn kho giảm nhiều so cùng thời điểm năm 2012: sản xuất dệt thoi giảm 44,2%, xi-măng giảm 43,1%, linh kiện điện tử giảm 74,9%.

Hoạt động XK trì trệ kéo dài hai năm qua của khu vực châu Á, bất chấp nền kinh tế toàn cầu đã dần phục hồi, đang làm dấy lên những quan ngại về tính cạnh tranh của khu vực này cũng như khả năng vượt qua giai đoạn khó khăn tiếp theo đối với các thị trường mới nổi. Theo số liệu phân tích của hãng tin Reuters, trong quý 3/2013, xuất khẩu của bảy thị trường lớn nhất khu vực Đông Á - gồm có Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Vùng lãnh thổ Đài Loan, Hong Kong (Trung Quốc) và Singapore - chỉ tăng 0,8%, chủ yếu nhờ xuất khẩu vào thị trường Mỹ tăng 3,1% yoy.

Theo tổng cục thống kê quốc gia Trung Quốc, trong tháng 10 chỉ số PMI phi sản xuất tăng lên 56.3 từ mức 55.4 trong tháng 9. Dấu hiệu phục hồi kinh tế có thể khiến cho chính phủ Trung Quốc có thêm tự tin đẩy mạnh các biện pháp cải cách kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng quá mức, nợ công tăng, và tăng trưởng xuất khẩu chậm lại có thể cản trở quá trình phục hồi nền kinh tế của quốc gia này.

### ► Tin doanh nghiệp

Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (HOSE: PVT) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2013. Theo đó, Doanh thu thuần Quý 3 ở mức 1.202 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp đạt 102.5 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ. Hoạt động tài chính lãi 19 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ âm tới 57.8 tỷ đồng do chi phí chênh lệch tỷ giá hạch toán phân bổ. Mặc dù CPBH và CP QLDN tăng 118% và 27% nhưng PVT vẫn đạt lãi ròng 46.7 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, DTT đạt 3.526 tỷ đồng (+9.5% yoy), LNST đạt 176 tỷ đồng (+44%), gấp 4.5 lần kế hoạch năm (39 tỷ đồng)

ĐHCCĐ dưới hình thức bằng văn bản đã của KBC đã thông qua phương án phát hành 100 triệu cổ phiếu để hoán đổi công nợ và bổ sung vốn kinh doanh. Theo đó, KBC phát hành cổ phần cho dưới 20 nhà đầu tư cá nhân, tổ chức và các chủ nợ của công ty, không phân biệt cổ đông mới hay cổ đông hiện hữu. Hạn chế chuyển nhượng 1 năm, giá chào bán có thể thấp hơn giá sổ sách nhưng tối thiểu là 10.000 đồng/cổ phần. Tính đến 30/06/2013, KBC đang có khoản nợ phải trả 7.172 tỷ đồng, tăng 228 tỷ đồng so với cuối năm 2012 và chiếm 60% tổng tài sản. Trong đó nợ ngắn hạn gần 3.367 tỷ đồng.

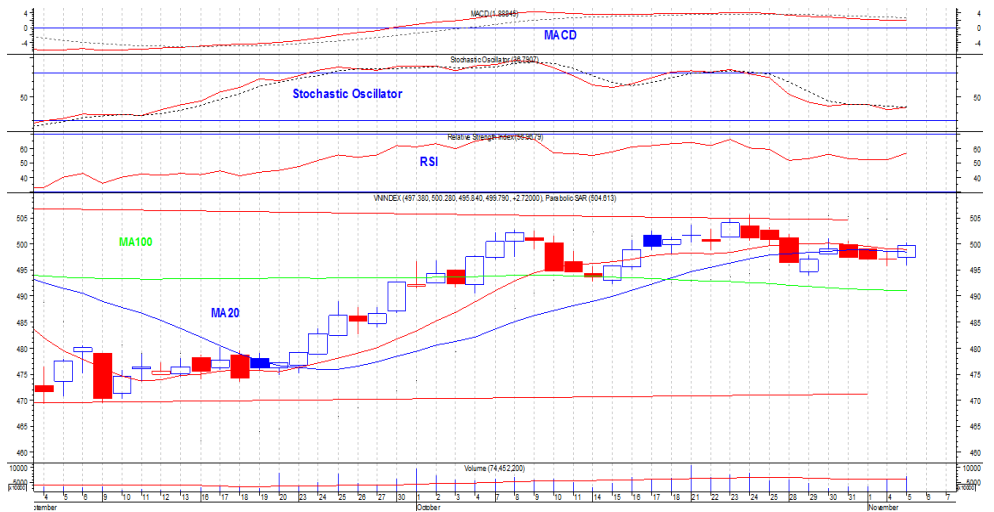
Theo tin từ Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu Khí (MCK: PVD), 9 tháng đầu năm 2013 doanh thu và LNST hợp nhất lần lượt đạt 10.400 tỷ đồng và 1.395 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt là 25,1% và 26,3% yoy. Năm 2013, PVD đạt kế hoạch LNST 1.360 tỷ đồng. Như vậy, PVD đã hoàn thành kế hoạch LNST cả năm đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông trước một Quý. PVD cho biết, dịch vụ khoan tiếp tục đóng vai trò chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng. Giá thuê giàn khoan 9T2013 tăng 12% yoy, các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cung ứng nhân lực tăng trưởng ổn định. Kết quả 9T chưa ghi nhận lợi nhuận từ liên doanh PVD - Baker Hughes.

**HOSE** 05/11/2013 VNINDEX 499.79 2.72 0.55% 75,859,798 CP 865.33 bil VND

### Dòng Midcap và Penny tạo hiệu ứng lan tỏa thị trường

VN-Index tăng 2.72 điểm (+0.55%), đóng cửa tại mức 499.79 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh dài, thanh khoản cũng cho đà tăng là một tín hiệu khá tích cực.

- 2 đường MA10 và MA20 đi ngang, dừng đà giảm.
- Mặc dù thị trường tăng điểm nhưng tín hiệu MACD Histogram vẫn tiếp tục đi xuống, tăng khả năng cắt đường zero-base.
- Stochastic Oscillator dừng đà giảm và có xu hướng cắt trở lại đường tín hiệu
- RSI cho xu hướng tăng trở lại là một tín hiệu cho thấy dòng tiền đang tích cực trở lại.



### HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.1 (1.6%)	6,403,960
FLC	0.2 (4.1%)	4,299,080
HQC	0.2 (3.2%)	4,222,830
TLH	0.4 (5.4%)	2,655,540
SAM	0.3 (4.1%)	2,580,430

### HOSE Top 5 theo % tăng

PXM	0.1 (16.7%)	40,980
PXT	0.2 (6.9%)	11,920
VNA	0.2 (6.9%)	121,570
C47	1.2 (6.9%)	10
VNI	0.3 (6.8%)	10,970

### HOSE Top 5 theo % giảm

CTI	-0.5 (-6.8%)	610
PDN	-2.2 (-6.8%)	9,070
TTP	-1.7 (-6.8%)	50
HOT	-1.8 (-6.8%)	180
ACL	-0.6 (-6.3%)	330

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	8.2 tỷ	124,480
GAS	5.8 tỷ	90,850
DPM	4.8 tỷ	114,130
BVH	4.0 tỷ	100,000
HPG	3.8 tỷ	102,470

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

MSN	6.3 tỷ	78,000
VIC	3.6 tỷ	55,070
HBC	2.1 tỷ	147,000
DQC	1.7 tỷ	61,300
PAC	1.1 tỷ	58,290

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	710,890	26.77

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch khá giằng co ở phiên sáng, tuy nhiên đến phiên chiều khi nhóm Midcap và Penny tăng mạnh tạo hiệu ứng giúp thị trường tăng điểm tốt lúc chốt phiên.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục gia tăng lên mạnh mẽ so với phiên hôm qua. Đà tăng lan rộng tạo tâm lý tích cực lên toàn thị trường.
- ▶ Thị trường nhiều khả năng sẽ chinh phục lại ngưỡng 500 - 503 điểm trong những phiên sắp tới, khi đó áp lực bán sẽ lại lớn dần lên. Cần quan sát kỹ ở ngưỡng này.
- ▶ Khối ngoại vẫn duy trì đà mua ròng. Đây chính là yếu tố giúp củng cố thêm niềm tin cho nhà đầu tư.
- ▶ Nhà đầu tư cần nhắc gia tăng tỷ trọng cổ phiếu khi thị trường tiếp tục tăng điểm và thanh khoản dày lên, ưu tiên mua thêm hàng đã có sẵn.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	64.5	122,227.50	10.0	3.8	41.6%	25.4%
VNM	833.5	141.0	117,519.97	17.4	6.9	40.5%	32.7%
VCB	2,317.4	29.4	68,132.06	16.2	1.7	9.9%	1.0%
CTG	3,723.4	17.3	64,414.90	6.8	1.2	19.2%	1.5%
VIC	908.7	66.5	60,430.40	13.5	4.3	38.3%	7.8%
MSN	705.1	80.0	56,411.27	95.2	3.8	3.9%	1.5%
BVH	680.5	40.1	27,286.90	24.6	2.1	9.0%	2.3%
STB	1,142.5	16.9	19,308.45	23.9	1.2	5.4%	0.5%
EIB	1,235.5	13.4	16,556.01	12.5	1.1	8.6%	0.8%
PVD	248.2	66.5	16,507.80	9.1	1.7	21.5%	8.1%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	10.2	2,372.52	15.6	0.8	NA	CW
PPC	318.2	21.0	6,681.25	3.4	1.3	NA	CW
DPM	379.9	41.7	15,843.26	5.9	1.6	NA	CW
BMP	45.5	67.0	3,047.06	8.0	2.2	NA	CW
VSC	28.6	47.2	1,352.09	6.1	1.7	NA	CW

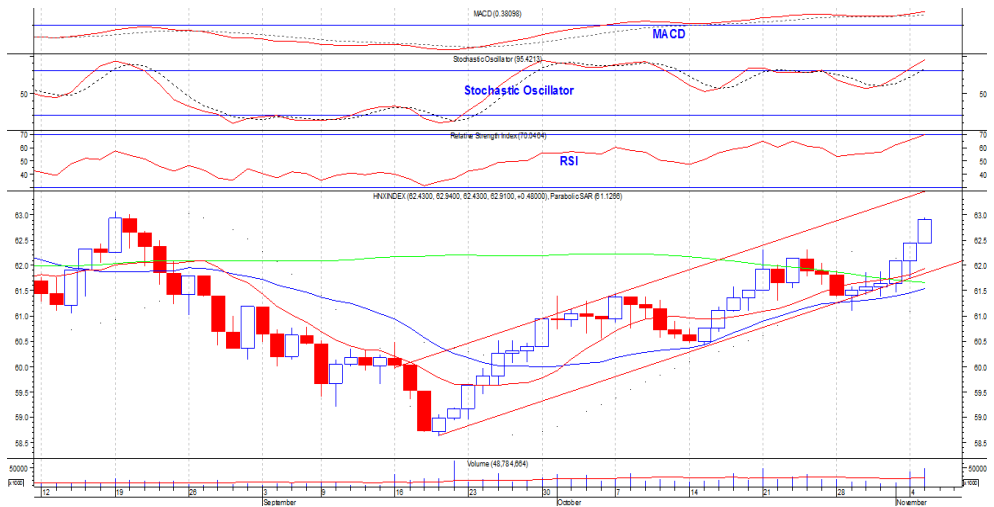
CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

**HNX**      05/11/2013      HNX-Index      62.91      0.48      0.78%      53,457,215 CP      349.52 bil. VND

### Dòng tiền gia tăng tạo hiệu ứng tích cực cho toàn thị trường

Chỉ số HNX-Index tăng 0.48 điểm (+0.78%), đóng cửa tại mốc 62.91 điểm. Cây nến xanh dài thứ 3 liên tiếp xuất hiện thể hiện tín hiệu tích cực, tuy nhiên HNX-Index đã vượt qua biên trên của Bollinger Band, khiến cho xác suất điều chỉnh phiên tới khá cao.

- 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục tăng lên. Đường MA20 sắp cắt lên đường MA100. Đây là một tín hiệu khá tích cực.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tăng mạnh, đi sâu vào vùng quá mua.
- RSI tiếp tục tăng lên và sắp đạt ngưỡng 70.
- ADX tăng lên thể hiện xu thế thị trường tiếp tục tăng điểm. DI+ mở rộng so với DI-.



### HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.5 (8.1%)	7,525,830
PVX	0.2 (8.7%)	5,519,700
VCG	0.2 (2.1%)	2,812,020
PVL	0.2 (7.7%)	2,426,180
FIT	0.4 (2.6%)	2,379,600

### HNX Top 5 theo % tăng

HHL	0.1 (16.7%)	42,800
SHN	0.1 (14.3%)	689,710
GGG	0.1 (12.5%)	13,900
HPS	0.3 (10.0%)	700
PV2	0.2 (10.0%)	646,700

### HNX Top 5 theo % giảm

CX8	-0.3 (-10.0%)	100
TMC	-1 (-10.0%)	900
TPH	-0.7 (-10.0%)	200
VNN	-0.4 (-9.8%)	100
DST	-0.5 (-9.6%)	5,600

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

APS	1.0 tỷ	324,700
NTP	1.0 tỷ	16,300
VND	0.9 tỷ	99,000
PVS	0.4 tỷ	27,000
EFI	0.2 tỷ	32,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

DBC	2.1 tỷ	120,000
PGS	0.8 tỷ	29,200
HMH	0.7 tỷ	40,000
AAA	0.6 tỷ	40,000
VLA	0.2 tỷ	20,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	249,988	- 0.96

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sàn Hà Nội tiếp tục tăng điểm, độ rộng thị trường liên tục được gia tăng, dòng tiền tập trung mạnh vào SCR, VCG, PVX... tạo hiệu ứng lan tỏa khá tốt.
- ▶ Thanh khoản liên tục được cải thiện đáng kể trong 2 phiên gần đây cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang tốt dần lên.
- ▶ Áp lực điều chỉnh trên sàn này sẽ lớn dần lên trong những phiên sắp tới khi HNX-Index tiếp cận ngưỡng kháng cự 63 - 63.5 điểm. Cần quan sát kỹ ngưỡng này.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ trở lại trên sàn HNX, tuy nhiên lực bán không quá mạnh. Chưa có nhiều lo ngại về đà bán của khối ngoại ở giai đoạn này.
- ▶ Nhà đầu tư cân nhắc gia tăng tỷ trọng cổ phiếu khi thị trường tiếp tục tăng điểm với thanh khoản dày lên, ưu tiên mua thêm hàng đã có sẵn.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	15.7	14,467.79	383.2	1.2	0.3%	0.0%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	395.7	6.4	1.6%	1.3%
PVS	446.7	16.8	7,504.57	6.1	1.0	16.5%	4.9%
SHB	886.1	6.9	6,113.98	20.9	0.6	-2.9%	-0.3%
OCH	200.0	25.0	5,000.00	44.2	2.3	6.5%	2.0%
VCG	441.7	9.8	4,328.76	63.9	0.8	1.3%	0.2%
PVI	226.3	16.1	3,642.70	11.5	0.6	5.2%	2.8%
LAS	77.8	35.5	2,763.04	6.8	2.2	31.9%	15.6%
NTP	43.3	59.9	2,595.95	8.1	2.2	28.5%	19.0%
VNR	100.8	22.8	2,298.87	6.3	0.9	15.3%	8.3%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	25.8	980.40	4.7	1.1	NA	CW
AAA	19.8	15.8	312.84	4.1	0.6	NA	CW
VND	100.0	9.4	939.76	7.4	0.8	NA	CW
NTP	43.3	59.9	2,595.95	8.1	2.2	NA	CW
VCG	441.7	9.8	4,328.76	63.9	0.8	NA	CW

CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,875	5.2	1.1	19.4%	13.9%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,201	6.2	1.6	27.3%	21.0%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	863	11.6	0.4	3.5%	2.6%
Sản xuất giấy	526	16.4	0.7	9.1%	5.0%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	26,072	11.8	1.5	15.0%	6.3%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,449	18.5	0.6	5.3%	0.6%
Khai khoáng	11,927	38.0	5.0	5.8%	4.7%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	13,759	11.1	1.4	17.4%	12.3%
Xây dựng	19,892	-	18.9	0.7%	1.9%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,920	6.4	1.1	19.5%	10.6%
Công nghiệp phức hợp	362	5.2	0.7	15.7%	11.0%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,327	9.3	1.0	7.9%	4.7%
Thiết bị điện	1,391	-	10.2	-0.4%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	26	89.4	0.4	0.4%	0.3%
Máy công nghiệp	7,407	7.4	1.3	24.5%	13.1%
Vận tải					
Vận tải thủy	5,078	-	2.1	6.4%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,270	10.3	1.1	17.4%	12.6%
Dịch vụ vận tải	4,456	11.0	1.2	15.1%	9.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,595	6.3	1.0	14.5%	7.6%
Đào tạo & Việc làm	186	858.0	0.6	1.0%	0.9%
Nhà cung cấp thiết bị	152	8.0	0.7	10.2%	4.7%
Chất thải & Môi trường	95	1.9	0.6	39.4%	19.1%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,797	13.7	2.6	11.6%	8.4%
Lốp xe	6,000	7.5	2.3	30.0%	13.7%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,226	6.2	1.0	16.0%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	229	13.8	1.9	14.9%	9.9%
Đồ uống & giải khát	192	5.0	1.0	16.9%	12.3%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	11,715	10.2	1.1	11.8%	5.7%
Thực phẩm	195,210	21.3	5.4	26.9%	21.1%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	28	-	3.4	-10.7%	-8.0%
Thiết bị gia dụng	1,795	7.8	1.0	13.6%	6.0%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	138	3.3	0.9	29.6%	21.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,240	8.3	1.1	13.6%	5.9%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	4,362	8.8	1.6	18.9%	10.6%
Thuốc lá					
Thuốc lá	702	82.7	0.9	8.6%	5.5%



Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,045	4.8	1.0	24.7%	13.4%
Dụng cụ y tế	86	2.4	1.1	30.1%	12.1%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	142	14.1	0.9	6.6%	4.1%
Dược phẩm	12,995	10.1	2.8	28.2%	18.2%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	460	80.7	1.4	1.8%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	540	21.7	0.9	11.6%	6.8%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,668	8.3	1.7	30.8%	4.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	3.3	0.4	16.1%	9.1%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	900	6.1	0.8	14.4%	8.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	90	6.6	2.7	35.0%	15.7%
Khách sạn	5,460	47.2	2.2	6.4%	2.3%
Dịch vụ giải trí	1,890	20.4	1.6	14.0%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,047	17.3	2.0	18.0%	15.1%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	42	9.8	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	345	4,698.2	0.5	0.3%	-0.2%
Internet	148	- 0.9	0.4	-41.0%	-8.5%
Phần mềm	12,888	8.0	1.8	23.5%	10.5%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	259	9.7	0.4	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	177	5.4	0.7	13.9%	10.1%
Thiết bị viễn thông	1,800	14.9	0.7	5.7%	3.9%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	18,967	5.9	1.1	21.2%	10.4%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	126,023	9.7	3.7	40.8%	24.8%
Nước	902	4.8	0.9	18.8%	13.1%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,064	8.5	0.8	8.8%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,407	9.8	0.6	6.2%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,289	6.3	0.9	15.3%	8.3%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,879	24.6	2.1	9.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,330	- 285.9	1.0	-0.4%	-0.1%
Môi giới chứng khoán	15,307	13.4	0.9	7.1%	4.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	203,908	11.4	1.3	11.6%	1.0%
Bất động sản					
Bất động sản	122,768	20.1	2.9	21.7%	4.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	3	- 3.9	0.3	-7.4%	-3.5%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	24,334	7.9	1.5	19.5%	7.0%

- |                           |                                                                                                                      |                          |                                                                                                    |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn                                                         |                          |                                                                                                    |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.